

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 03-01-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Hùng Dũng

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 470/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2024/QĐST-DS và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 503/2024/TBXXST-DS cùng ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở chính: Số B N, phường T, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Phan Huỳnh Bá H- Chuyên viên quản lý khách hàng; Địa chỉ: Lầu F, Tòa nhà P, số A T, phường A, quận N, TP Cần Thơ. Văn bản ủy quyền số 4211/UQ-PVB ngày 18/7/2024. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2020, bà Nguyễn Thị Linh C đã ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 329/2020/HĐTD/PVB-PGDCĐO và được Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (viết tắt là P) duyệt cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất: từ ngày 30/10/2021 đến ngày

29/10/2021 lãi suất bằng 16%/năm; từ ngày 30/01/2020, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất sẽ được tính bằng lãi suất cơ sở + biên độ 7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm; phương thức trả nợ: kỳ trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.667.000 đồng, riêng tháng cuối trả 1.647.000 đồng; kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 25/11/2020. Quá trình vay bà C đã thanh toán được 73.329.670 đồng (trong đó nợ gốc là 45.009.000 đồng, nợ lãi là 28.320.670 đồng), ngày 25/5/2021 bà C bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng chuyển khoản nợ vay sang quá hạn. Tính đến ngày 03/01/2025 bà C còn nợ ngân hàng số tiền 79.032.668 đồng, trong đó nợ gốc là 54.991.000 đồng, lãi trong hạn là 10.833.473 đồng, lãi quá hạn là 11.804,767 đồng, lãi chậm trả là 1.403.428 đồng.

Ngoài ra, ngày 27/10/2020 bà C có ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 328/2020/HĐTD/PVB-PGDCĐO và được P cho cấp hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng, loại thẻ tín dụng là hạng chuẩn, ngày sao kê hàng tháng là ngày 15 mỗi tháng, lãi suất 25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn thẻ là 36 tháng, tính từ ngày 16/01/2020 đến ngày 03/01/2025 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, còn nợ thẻ tín dụng số tiền tổng cộng là 18.947.563 đồng, trong đó nợ gốc thẻ là 5.072.664 đồng, lãi trong hạn là 6.700.395 đồng, lãi quá hạn là 7.174.504 đồng.

Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay, ngân hàng nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà C phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 97.980.231 đồng, trong đó khoản nợ vay trả góp là 79.032.668 đồng (nợ gốc là 54.991.000 đồng, lãi trong hạn là 10.833.473 đồng, lãi quá hạn là 11.804,767 đồng, lãi chậm trả là 1.403.428 đồng, lãi tính đến ngày 03/01/2025) và khoản nợ thẻ tín dụng số tiền là 18.947.563 đồng, trong đó nợ gốc thẻ là 5.072.664 đồng, lãi trong hạn là 6.700.395 đồng, lãi quá hạn là 7.174.504 đồng, lãi tính đến ngày 03/01/2025 và yêu cầu bà C tiếp tục chịu lãi phát sinh của các khoản nợ kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi thanh toán tất nợ cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bị đơn bà C đều vắng mặt. Vụ kiện không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Chi trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Về việc tham gia tố tụng: Bà C là bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn*

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 329/2020/HĐTD/PVB-PGDCĐO ngày 30/10/2020 và Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 328/2020/HĐTD/PVB-PGDCĐO ngày 27/10/2020 được ký kết giữa bị đơn bà C với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đều trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn bà C đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong các hợp đồng tín dụng nói trên, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong các hợp đồng nên nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án. Việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự, Điều 99 và Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 04/01/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 165; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 99, Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với bà Nguyễn Thị Linh C.

Buộc bà Nguyễn Thị Linh C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 97.980.231 đồng, trong đó khoản nợ vay trả góp là 79.032.668 đồng

(gồm nợ gốc là 54.991.000 đồng, lãi trong hạn là 10.833.473 đồng, lãi quá hạn là 11.804,767 đồng, lãi chậm trả là 1.403.428 đồng, lãi tính đến ngày 03/01/2025) và khoản nợ thẻ tín dụng số tiền là 18.947.563 đồng, trong đó nợ gốc thẻ là 5.072.664 đồng, lãi trong hạn là 6.700.395 đồng, lãi quá hạn là 7.174.504 đồng, lãi tính đến ngày 03/01/2025

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/01/2025), bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Linh C phải nộp 4.899.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.116.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008278 ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Án xử công khai, tuyên án có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKS nhân dân huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THA dân sự huyện Cờ Đỏ;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thương

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hùng Dũng Nguyễn Thị Huệ Nguyễn Thị Hoài Thương

